

玉龙轩

YULONG

— MANSION —

YULONG  
MANSION

# YULONG

MANSION

## 港式燒味

### HONG KONG BBQ AND ROAST

MÓN QUAY VÀ NƯỚNG HỒNG KÔNG

	整隻   Whole Nguyên Con	半隻   Half Nửa Con
-		
大紅乳豬件 Golden Roasted Suckling Pig (P, N, A) <i>Lợn Sữa Quay Dát Vàng</i>	3,880	1,980
金牌炸子雞 Signature Crispy Fried Chicken (E, N, A) <i>Gà Rán Da Giòn Kim Bài</i>	780	400
古法鹽焗雞 Traditional Salt-baked Chicken (E, N, A) <i>Gà Nướng Muối Truyền Thống</i>	750	380
-		
	份   Portion Phần	
脆皮乳鴿皇 Crispy Roasted Pigeon (E, N, A) <i>Chim Bỏ Cầu Quay Giòn</i>	330	
燒味三拼 BBQ Platter Combination (P, N, A) <i>Quay và Nướng Thập Cẩm</i>	680	
蜜汁叉燒 Honey Glazed BBQ Pork (P, E, A, N) <i>Xá Xiu Nướng Mật Ong</i>	300	
冰燒三層肉 Macau Style Crispy Pork Belly (P,A) <i>Thịt Quay Ma Cao</i>	350	

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 點心

### DIM SUM

ĐIỂM TÂM

	份   Portion Phần
-	
蘆筍鮮蝦餃 (3只) Fresh Shrimp and Asparagus Har Gow (3 pcs) (S, N, E) <i>Há Cảo Tôm Tươi và Măng Tây (3 cái)</i>	140
蟹子蒸燒賣 (3只) Steamed Pork and Shrimp Siu Mai with Crab Roe (3 pcs) (P, S, N, E) <i>Xiu Mai Trứng Cua (3 cái)</i>	130
黑松露帶子餃 (3只) Scallop Dumpling with Black Truffle (3 pcs) (P, S, N, E) <i>Há Cảo Điệp Cơ Nấm Truffle (3 cái)</i>	140
豉汁蒸排骨 (籠) Steamed Pork Ribs with Black Bean Sauce (P, N, A) <i>Sườn Hấp Tàu Xi</i>	120
金醬蒸鳳爪 (籠) Steamed Chicken Feet with Golden Sauce (N, A) <i>Chân Gà Hấp Kim Tương</i>	120
上海小籠包 (3只) Shanghai Soup Dumplings (3 pcs) (P, A, N) <i>Tiểu Long Bao Thượng Hải (3 cái)</i>	130
燒味三拼 Golden Custard Lava Buns (3 pcs) (D, E) <i>Bánh Bao Lưu Sa (3 cái)</i>	110
蠔皇叉燒包 (3只) BBQ Pork Buns with Oyster Sauce (3 pcs) (P, D, E) <i>Bánh Bao Xá Xiu (3 cái)</i>	110

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 炸點 / 小吃

### SNACKS AND FRIED DIM SUM

MÓN ĂN NHẸ VÀ ĐIỂM TÂM CHIÊN

	份   Portion Phần
-	
鮮蝦腐皮卷 (3只) Fresh Shrimp Bean Curd Skin Rolls (3 pcs) (S, E) <i>Nem Phù Bi Tôm Tươi Cuộn (3 cái)</i>	110
爆漿墨魚球 (3只) Crispy Squid Balls with Seafood Sauce (3 pcs) (S, N, E) <i>Mực Viên Phủ Xốt Hải Vị (3 cái)</i>	130

## 腸粉

### RICE ROLLS

BÁNH CUỐN

	份   Portion Phần
-	
蜜汁叉燒腸 (小碟) Rice Roll with Honey BBQ Pork (P, N) <i>Bánh Cuốn Xá Xiu Mật Ong</i>	140
蘆筍帶子腸 (小碟) Rice Roll with Scallop and Asparagus (S, N) <i>Bánh Cuốn Điệp Cơ và Măng Tây</i>	160
炸兩蒸腸粉 (小碟) Hong Kong Rice Roll with Chinese Dough Stick (V, N, D) <i>Bánh Cuốn Quẩy Hồng Kông</i>	160
鮮蝦蒸腸粉 (小碟) Steamed Rice Roll with Shrimp (S, N) <i>Bánh Cuốn Tôm</i>	190
XO醬沙鍋海鮮炒腸粉 XO Sauce Seafood Rice Roll Claypot (S, N, A) <i>Bánh Cuốn Hải Sản Xào Xốt XO</i>	380

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 煎炸點心

### FRIED DIM SUM

ĐIỂM TÂM CHIÊN GIÒN

	份   Portion Phần
-	
酥炸芋蓉煙鴨糰 (3只) Deep Fried Taro Dumpling with Smoked Duck (3 pcs) (P) <i>Thịt Vịt Bọc Khoai Môn Rán (3 cái)</i>	110
鮮蝦炸春捲 (3只) Cantonese Shrimp Spring Rolls (3 pcs) (S) <i>Nem Quảng Đông Nhân Tôm (3 cái)</i>	110
香煎蘿蔔糕 (3只) Pan Fried Turnip Cake (3 pcs) (S, E) <i>Bánh Củ Cải Rán (3 cái)</i>	140
港式馬拉糕 (籠) Hong Kong Style Steamed Malay Cake (D, E) <i>Bánh Mả Lai Hồng Kông</i>	110
香麻煎堆仔 (3只) Sesame Balls with Sweet Filling (3 pcs) (V, N) <i>Bánh Rán Vừng (3 cái)</i>	110
煲仔煎菜包 (3只) Pan Fried Vegetable and Pork Buns (3 pcs) (E, P, N) <i>Bánh Bao Rau Thịt Nổi Đất (3 cái)</i>	110
蒸炸萬頭 (蒸2只炸2只) Steamed and Fried Mantou (2 pcs each) (V) <i>Bánh Bao Chay Hấp và Rán (2 cái mỗi loại)</i>	110
油炸鬼 (2條) Chinese Fried Dough Sticks (2 pcs) (V) <i>Quẩy Rán (2 cái)</i>	110
XO炒蘿蔔糕 (小碟) Turnip Cake Stir-fried with XO Sauce (S, E, N) <i>Bánh Củ Cải Xào Xốt XO</i>	190

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 前菜

### STARTER

#### MÓN KHAI VỊ

	份   Portion Phần
-	
鹽局鳳爪 Salted Chicken Feet (N, A) <i>Chân Gà Om Muối</i>	180
沙姜浸豬手 Pork Trotter with Sand Ginger Sauce (P, A) <i>Chân Giò Heo Xốt Sa Khương</i>	180
泰汁陳醋泡豬耳絲 Thai Style Pickled Pork Ear with Vinegar (P, A) <i>Tai Heo Ngâm Giấm Kiểu Thái</i>	180
麻辣牛肚絲 Spicy Sichuan Beef Tripe (B, A, N) <i>Bò Tở Ong Xốt Cay Tứ Xuyên</i>	180
糖醋蘿蔔 Sweet Soy-pickled Radish (V, N) <i>Củ Cải Ngâm Xi Dầu</i>	150
酸辣雲耳青瓜 Cucumber with Black Fungus Salad (V, N) <i>Dưa Chuột Vân Nhĩ</i>	150

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 滋補養生燉湯

### NOURISHING DOUBLE-BOILED SOUPS

#### CANH TÂN BỔ DƯỠNG

	份   Portion Phần
-	
滋補精品佛跳牆 Premium "Buddha Jumps Over the Wall" Soup (S, P, N, GF, A) <i>Xúp Phật Nhảy Tường Thượng Hạng</i>	2,880
雞茸燕窩 Chicken and Bird's Nest Soup (E, A, P) <i>Xúp Yến Thịt Gà</i>	1,980
香菇蟹肉羹 Crab Meat and Mushroom Soup (S, E, P) <i>Xúp Nấm Hương Thịt Cua</i>	180
鮮拆魚蓉羹 Fresh Fish Soup Shunde Style (S, E, P) <i>Xúp Cá Tươi Kiểu Thuận Đức</i>	180
鮮響螺頭燉雞腳 Conch and Chicken Feet Herbal Soup (S, GF, P) <i>Ốc Tù Và Tầm Chân Gà</i>	780
鮮人參燉烏雞 Black Chicken with Fresh Ginseng Soup (A, GF, P) <i>Gà Ấc Tầm Sâm Tươi</i>	300
蟲草花淮山燉老雞 Mature Chicken Soup with Cordyceps Flower and Yam (A, GF, P) <i>Gà Trưởng Thành Tầm Hoài Sơn và Hoa Đông Trùng</i>	280
藥膳燉山瑞 Softshell Turtle Herbal Soup (S, GF, A, P) <i>Ba Ba Rừng Tầm Thuốc Bắc</i>	280

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

鮑 / 參 / 海味

## ABALONE / SEA CUCUMBER / DRIED SEAFOOD

BÀO NGƯ / HẢI SÂM / HẢI VỊ

(主題) 蠔皇原只黃金澳洲2頭湯鮑

Whole Australian Golden Abalone with Oyster Sauce (S, P)  
Bào Ngư Úc Nguyên Con Dát Vàng Xốt Dầu Sò

份 | Portion  
Phần

2,880

碧綠扒鮮鮑片

Braised Sliced Abalone with Green Vegetables (S, P)  
Bào Ngư Lát Rau Xanh

1,880

百花讓日本遼參

Stuffed Japanese Sea Cucumber with Shrimp Paste (S, P)  
Hải Sâm Nhật Nhỏ Bách Hoa

580

鮮鮑甫扣海參

Braised Abalone with Sea Cucumber (S, P)  
Bào Ngư Lựu Om Hải Sâm

3,180

沙爆魚肚扣海參

Fish Maw with Sea Cucumber (S, P)  
Bóng Cá Nở Om Hải Sâm

1,180

花菇扒沙爆魚肚

Fish Maw with Shiitake Mushroom (S, P)  
Bóng Cá Nở Om Nấm Hương

880

蠔油雜菌菇爆炒沙爆魚肚

Fish Maw Stir-fried with Mixed Mushrooms in Oyster Sauce (S, P)  
Bóng Cá Nở Xào Nấm Thập Cẩm Dầu Sò

880

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

海中寶風味菜

## SEAFOOD SPECIALTIES

HẢI SẢN ĐẶC SẮC

-

份 | Portion  
Phần

碧綠炒澳洲鮮帶子

Stir-fried Australian Scallops with Greens (S, A)  
Diệp Cơ Úc Xào Bích Lục

580

雀巢XO醬炒海中寶

Seafood Nest with XO Sauce (S, A)  
Hải Bảo Xào Xốt XO

680

沙律香菠蝦球

Prawn Balls with Pineapple Mayonnaise (S, D)  
Tôm He Nôn Xào Xốt Mayonnaise

580

油泡半乾濕鮮吊片

Wok-fried Semi-dried Squid (S, A)  
Mực Một Nắng Xào Lăn

580

蒜香炸鮮吊片

Garlic Fried Squid (S, N)  
Mực Một Nắng Rán Vị Tỏi

580

豉油皇鮮中蝦

Soy Sauce King Prawns (S, N)  
Tôm Sú Chiên Xốt Xi Dầu Hồng Kông

680

黃金局生中蝦

Salted Egg Yolk Prawns (S, N, D, E)  
Tôm Sú Chiên Trứng Muối

680

蒜香奶油大虎蝦

King Prawns with Garlic Butter Sauce (S, D, N, E)  
Tôm He Xốt Tỏi Kem

880

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 蟹類

### CRAB

CUA

-

份 | Portion  
Phần

金湯白肉燴生拆原只蟹鉗

Braised Fresh Crab Claw in Superior Golden Broth (S, E, P)  
Càng Cua Tươi Bỏ Vỏ Nấu Nước Dùng Bí Xanh

380

避風塘炒辣蟹

Typhoon Shelter Style Spicy Crab (S, A)  
Cua Rang Cay Kiểu Phòng Phong

980

雞油花雕蒸肉蟹

Steamed Crab with Chicken Oil and Hua Diao Wine (S, A, E, GF, P)  
Cua Hấp Mỡ Gà và Rượu Hoa Điêu

980

薑沖局肉蟹

Wok-fried Crab with Ginger and Scallion (S, N, P)  
Cua Xào gừng Hành

980

豉椒炒肉蟹

Stir-fried Crab with Black Bean Sauce and Chili (S, N, A, P)  
Cua Xào Ớt Tàu Xi

980

沙爹粉絲局肉蟹

Crab with Satay Sauce and Glass Noodles Claypot (S, N, P)  
Cua Om Miến Sa Tế Nồi Đất

980

泰式咖喱炒肉蟹

Thai Style Curry Crab (S, D, A, P)  
Cua Xào Cà Ri Kiểu Thái

980

椒鹽局肉蟹

Salt and Pepper Crab (S, N)  
Cua Rang Muối Ớt

980

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)

Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 龍蝦 / 海味

### LOBSTER

TÔM HÙM XANH

-

生猛本地龍蝦，皇帝蟹（時價）

Live Lobster / King Crab (Market Price) (S)  
Tôm Hùm Xanh / Cua Hoàng Đế (Giá Theo Mùa)

自選烹調方式

Cooking Style Selection  
Chọn Phương Thức Chế Biến

刺身

Sashimi Style (S, N, GF)  
Ăn Gỏi

上湯局伊面底

Braised with Superior Broth and E-Fu Noodles (S, N, P)  
Om Mỳ Nước Dùng

芝士牛油燴煎脆黃面底

Cheese Butter Sauce with Crispy Noodles (S, D, E)  
Om Mỳ Giòn Bơ Phô Mai

蒜茸蒸粉絲底

Steamed with Garlic and Glass Noodles (S, N, P)  
Hấp Tỏi Miến

香辣避風塘炒

Typhoon Shelter Spicy Style (S, N)  
Rang Cay Kiểu Phòng Phong

金蒜椒鹽局

Salt and Pepper Garlic Style (S, N)  
Rang Vị Tỏi

兩食需加收加工費每

Additional Processing Fee for Two Styles  
Chọn Hai Vị Thêm Phí

VND 300,000/kg

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)

Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

象拔蚌

## GEODUCK CLAM

ỐC VÒI VỎI

-

加拿大象拔蚌 (時價)

Canadian Geoduck Clam (Market Price) (S)

Ốc Vòi Voi Canada (Giá Theo Mùa)

自選烹調方式

Cooking Style Selection

Chọn Phương Thức Chế Biến

刺身

Sashimi Style (S, N, GF)

Ăn Gỏi

堂灼

Blanched at Table (S, N, P)

Chần Nước Dùng Tại Bàn

碧綠炒

Stir-Fried with Green Vegetables (S, N, A)

Xào Bích Lục

XO醬炒

Stir-Fried with XO Sauce (S, N, A)

Xào Xốt XO

兩食需加收加工費每

Additional Processing Fee for Two Styles

Chọn Hai Vị Thêm Phí

VND 300,000/kg

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

游水活魚

## LIVE FISH

CÁ TƯƠI SỐNG

-

游水活魚 / 珍珠石斑, 東星石斑, 筍殼, 石頭魚 (時價)

Live Fish: Pearl Grouper, Leopard Coral Grouper, Marble Goby and Stone Fish (Market Price) (S)

Cá Song Trần Châu, Cá Song Sao, Cá Bống Tượng, Cá Đá (Giá Theo Mùa)

自選烹調方式

Cooking Style Selection

Chọn Phương Thức Chế Biến

刺身

Sashimi Style (S, N, GF)

Ăn Gỏi

原條清蒸

Whole Fish Steamed with Soy Sauce (S, D)

Hấp Xi Dầu Nguyên Con

油浸

Poached in Hot Oil (S, GF)

Chần Dầu

起肉炒球

Wok-fried Fish Fillet Cubes (S, N, E)

Lọc Xương Xào

起肉椒鹽局

Salt and Pepper Fish Fillet (S, N, E)

Lọc Xương Rang Muối Ớt

金針云耳起片蒸

Steamed Fish with Enoki and Black Fungus (S, N, E, A, P)

Hấp Đặc Biệt

重慶香辣

Chongqing Spicy Style (S, N)

Nướng Cay Trùng Khánh

四川酸菜

Sichuan Pickled Mustard Fish (S, N, E, D, P)

Om Dưa Cay Kiểu Tứ Xuyên

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

河鰻魚

EEL

CÁ CHÌNH

-

河鰻魚 (時價)

Freshwater Eel (Market Price) (S)

Cá Chình (Giá Theo Mùa)

自選烹調方式

Cooking Style Selection

Chọn Phương Thức Chế Biến

豉汁蒸盤龍鱔

Steamed Eel with Black Bean Sauce (S, N, A, P)

Cắt Khúc Hấp Tàu Xi

金銀蒜蒸金錢鱔片

Steamed Eel with Garlic (S, N, A)

Hấp Tỏi

XO醬炒鱔片

Stir-fried Eel with XO Sauce (S, N, A)

Xào Xốt XO

蜜汁燒鱔

Honey Glazed Roasted Eel (S, N, D, E)

Nướng Mật Ong

蒜子北菇燜鱔球煲

Braised Eel with Garlic and Mushroom Claypot (S, N, A, E)

Cắt Khúc Om Nấm Hương và Tỏi Củ Nổi Đất

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)

所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)

Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

豬 / 牛 / 雞 / 鵪

BEEF / PORK / POULTRY

BÒ / LỢN / GIA CẦM

份 | Portion  
Phần

日式芥醬蒜片w牛柳粒

Japanese Mustard Garlic Beef Cubes (B, E, P)

Thịt Bò Lụa Xào Tỏi Lát Xốt Mù Tạt Nhật Bản

980

紅酒牛尾煲

Red Wine Braised Oxtail Claypot (B, N, A, P)

Đuôi Bò Om Rượu Vang Nổi Đất

580

黑椒蒜片牛柳條

Black Pepper Garlic Beef Tenderloin (B, N, E, P)

Thịt Bò Thối Xào Tiêu Đen

480

蠔油秀珍菇爆炒牛仔肉

Stir-fried Beef with Oyster Sauce and Mushrooms (B, E, A, P, S)

Thịt Bò Lát Xào Nấm Sò Dầu Hào

380

香菠咕嚕肉

Sweet and Sour Pork with Pineapple (P, N, E)

Thịt Lợn Xốt Chua Ngọt

360

蒜香一字骨

Garlic Fried Pork Ribs (P, N, E)

Sườn Rán Vị Tỏi

380

千島汁局肉排

Pork Chop with Thousand Island Sauce (P, E, N, A)

Sườn Rán Xốt Vạn Đảo

480

肉末魚香茄子煲

Sichuan Eggplant with Minced Pork Claypot (P, N)

Cà Tim Ngự Hương Nổi Đất

300

碧綠炒乳鴿片

Stir-fried Pigeon with Greens (E, A, N, P)

Chim Bồ Câu Xào Bích Lục

380

宮保腰果雞丁

Kung Pao Chicken with Cashew Nuts (N, E, P)

Gà Lụa Xào Cung Bảo, Hạt Điều

300

乾蔥麻油雞球煲

Sesame Oil Chicken Claypot (N, A, E, P)

Gà Om Hành Khô Dầu Vừng Nổi Đất

330

拍蒜涼瓜乾燜雞煲

Bitter Melon Braised Chicken Claypot (N, A, E, P)

Gà Om Mướp Đắng Tỏi Củ Nổi Đất

330

# YULONG

MANSION

## 豆腐 / 蔬菜

### TOFU / VEGETABLES

#### ĐẬU PHỤ / CÁC LOẠI RAU CỦ

	份   Portion Phần
-	
香辣麻婆滑豆腐 Sichuan Mapo Tofu (P, N) Đậu Phụ Mapo Kiểu Tứ Xuyên	260
川味肉末四季豆 Sichuan Minced Pork with Green Beans (P, N) Đậu Quả Xào Tứ Xuyên	280
五味椒鹽脆皮豆腐 Salt and Pepper Crispy Tofu (V, N, GF) Đậu Phụ Tươi Rán Giòn Muối Ớt	260
南乳粗齋煲 Vegetarian Claypot with Fermented Bean Curd (V) Thượng Chay Om Phụ Nhự Nồi Đất	280
鮮拆蟹肉扒滑豆腐 Braised Tofu with Fresh Crab Meat (S, E, D, P) Thịt Cua Tươi Xốt Đậu Phụ	480
北菇扒時蔬 Seasonal Vegetables with Mushroom Sauce (N, V) Rau Theo Mùa Xốt Nấm Hương	380
金華火腿竹筴扒西蘭花 Broccoli with Jinhua Ham and Bamboo Fungus (P) Giò Kim Hoa Xốt Lơ Xanh và Nấm Trúc	300
金銀浸蛋莧菜 Amaranth with Century Egg and Salted Egg (E, P) Rau Dền Om Nước Dừng Trứng Bắc Thảo	300

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood | P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản | P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
 所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
 Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 各式時蔬 Seasonal Vegetables Rau Theo Mùa

份 | Portion  
Phần

220

## 各式時蔬 (自選烹調方式) Seasonal Vegetables (Choose Cooking Method) (V) Rau Theo Mùa (Chọn Phương Thức Chế Biến)

- 白灼  
Blanched (GF)  
Luộc
- 清炒  
Stir-fried  
Xào
- 蒜茸炒  
Stir-fried with Garlic  
Xào Tỏi
- 腐乳  
Fermented Bean Curd Sauce  
Xào Phụ Nhự
- 蝦醬  
Shrimp Paste Sauce (S)  
Xào Mắm Tôm
- 蠔油扒  
Braised with Oyster Sauce  
Om Xốt Dầu Sò
- 馬拉盞炒  
Malaysian Belacan Style Stir-fried  
Xào Kiểu Mã Lai
- 上湯浸  
Poached in Superior Broth (P)  
Chần Nước Dừng

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood | P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản | P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
 所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
 Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

麵 / 飯

## NOODLES / RICE

CÁC MÓN MÌ / CƠM

	份   Portion Phần
-	
(主題) 富豪炒飯 Yulong Signature Fried Rice (E, N, S, P, B) <i>Cơm Chiên Yulong Đặc Biệt</i>	880
港式乾炒牛河 Hong Kong Style Dry Fried Beef Ho Fun (B) <i>Phở Xào Bò Kiểu Hồng Kông</i>	300
瑞士汁銀芽炒麵 Swiss Sauce Fried Noodles with Bean Sprouts (V, N) <i>Mỳ Xào Xốt Tương Hồng Kông</i>	250
港式豉椒濕炒牛肉河 Hong Kong Style Beef Ho Fun with Black Bean Sauce (B, N) <i>Phở Xào Bò Xốt Tàu Xi Kiểu Hồng Kông</i>	300
海鮮煎脆黃面餅 Crispy Egg Noodles with Seafood (S, N) <i>Mỳ Giòn Xốt Hải Sản</i>	380
揚州炒飯 Yangzhou Fried Rice (N, P, E) <i>Cơm Rang Dương Châu</i>	300
金沙鮮蝦炒飯 Salted Egg Yolk Shrimp Fried Rice (E, S) <i>Cơm Rang Hải Sản Trứng Muối</i>	380
鮮帶子粒蛋白炒飯 Scallop Egg White Fried Rice (S, E) <i>Cơm Rang Đập Cơ Lòng Trắng Trứng</i>	380

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

# YULONG

MANSION

## 齋菜套餐

### VEGETARIAN SET MENU

THỰC ĐƠN CHAY

480

#### APPETIZERS | 餐前小食 | MÓN KHAI VỊ

柚子沙律

Pomelo Salad (V, N)  
Salad Bưởi Chua Ngọt

#### SOUP | 湯羹 | MÓN XÚP

蘭花豆腐羹

Broccoli and Tofu Soup (V, N)  
Xúp Lơ Xanh và Đậu Phụ

#### MAIN COURSES | 主菜 | MÓN CHÍNH

什菜煎餃子

Pan-fried Mixed Vegetable Dumplings (V, N)  
Há Cảo Chiên Rau Thập Cẩm

松露炒什菌

Mixed Mushrooms Stir-fried with Black Truffle (V, N)  
Nấm Thập Cẩm Xào Nấm Truffle

蘆筍麵根炒飯

Fried Rice with Asparagus and Wheat Gluten (V, N)  
Cơm Chiên Măng Tây và Mì Cắn

#### DESSERT | 餐后甜品 | MÓN TRÁNG MIỆNG

紅棗蓮子茶

Red Date and Lotus Seed Sweet Soup (V, N)  
Chè Táo Đỏ Hạt Sen

水果拼盤

Seasonal Fruit Platter (V)  
Hoa Quả Thập Cẩm

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)

# YULONG

MANSION

## 無麩質套餐

### GLUTEN FREE SET MENU

THỰC ĐƠN KHÔNG GLUTEN

980

#### APPETIZERS | 餐前小食 | MÓN KHAI VỊ

糖醋蘿蔔

Sweet Soy-pickled Radish (V, N)  
Củ Cải Ngâm Xi Dầu

上海薰魚

Shanghai Style Marinated Fish (S, N, A)  
Cá Xốt Kiểu Thượng Hải

#### SOUP | 湯羹 | MÓN XÚP

干貝海參燉豬筋

Double Boiled Sea Cucumber, Scallop and Pork Tendon Soup (P, S, N, A)  
Nhân Sò, Hải Sâm Tẩm Gân Heo

#### MAIN COURSES | 主菜 | MÓN CHÍNH

蠔油牛肉片

Sliced Beef in Oyster Sauce (B, N, A, S)  
Thịt Bò Lát Xào Dầu Hào

沙拉蝦球

Crispy Prawns with Mayonnaise (S, N, E, D)  
Tôm Chiên Xốt Mayonnaise

羊肚菌炒蘆筍

Asparagus Stir-fried with Morel Mushrooms (V, N, P)  
Măng Tây Xào Nấm Bụng Dê

#### RICE | 主食 | MÓN CƠM

帶子蛋白炒飯

Scallop Egg White Fried Rice (E, N, S)  
Cơm Rang Điệp Cơ Lòng Trắng Trứng

#### DESSERT | 餐后甜品 | MÓN TRÁNG MIỆNG

紅棗蓮子茶

Red Date and Lotus Seed Sweet Soup (V, N)  
Chè Táo Đỏ Hạt Sen

水果拼盤

Seasonal Fruit Platter (V)  
Hoa Quả Thập Cẩm

V = Vegetarian | N = Contains Nuts | D = Contains Dairy | GF = Gluten-free | E = Contains Eggs | S = Contains Seafood |  
P = Contains Pork | B = Contains Beef | A = Contains Alcohol

V = 素食 | N = 含堅果 | D = 含乳製品 | GF = 無麩質 | E = 含雞蛋 | S = 含海鮮 | P = 含豬肉 | B = 含牛肉 | A = 含酒精

V = Món Chay | N = Chứa Hạt | D = Chứa Sữa | GF = Không Chứa Gluten | E = Chứa Trứng | S = Chứa Hải Sản |  
P = Chứa Thịt Lợn | B = Chứa Thịt Bò | A = Chứa Cồn

All prices are in '000 VND and subject to 5% service charge and applicable government tax (++)  
所有價格以千越南盾 '000 為單位，未包含5%服務費及依法適用的政府稅費 (++)  
Tất cả giá hiển thị theo đơn vị nghìn '000 VND và chưa bao gồm 5% phí phục vụ và thuế theo quy định hiện hành (++)



YULONG  
MANSSION

